

**BỘ CÂU HỎI CUỘC THI TRỰC TUYẾN “TÌM HIỂU PHÁP LUẬT
CHO HỌC SINH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2024”**

Câu 1: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự là gì?

- A. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử.
- B. Mọi cá nhân, pháp nhân được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.
- C. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.**
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án: C

Căn cứ: Khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 2: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, người thành niên là người bao nhiêu tuổi?

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên
- B. Từ đủ 18 tuổi trở lên**
- C. Từ đủ 19 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 20 tuổi trở lên

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 1 Điều 20 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 3: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, người từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự thì như thế nào?

- A. Phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.
- B. Tự mình xác lập, thực hiện.
- C. Phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi**
- D. Không có đáp án nào đúng.

Đáp án: C

Căn cứ: Khoản 3 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 4: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự như thế nào?

- A. Phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.
- B. Tự mình xác lập, thực hiện.
- C. **Tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.**
- D. Không có đáp án nào đúng.

Đáp án: C

Căn cứ: Khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 5: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định đặt tên của công dân Việt Nam như thế nào?

- A. Phải bằng tiếng Việt.
- B. Phải bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam.
- C. Đặt tên bằng một ký tự.
- D. **Phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ.**

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 6: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thay đổi họ cho người từ đủ 09 tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó, quy định này đúng hay sai?

- A. **Đúng**
- B. Sai

Đáp án: A

Căn cứ: Khoản 2 Điều 27 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 7: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thay đổi tên cho người từ đủ 09 tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó, quy định này đúng hay sai?

- A. Sai
- B. **Đúng**

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 2 Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 8: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh, cá nhân chết phải được khai tử, các quy định này đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 9: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, việc sử dụng hình ảnh cá nhân trong trường hợp nào sau đây không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ?

A. Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng.

B. Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 2 Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 10: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định nào sau đây là đúng?

A. Cá nhân có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

B. Không bị ai tước đoạt tính mạng trái luật.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Đáp án: C

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 11: Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình như sau:

“Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được bảo vệ”

A. Gia đình.

B. Pháp luật.

C. Nhà trường.

D. Công an.

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 12: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình thì thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được quy định như thế nào?

A. Được đảm bảo an toàn và bí mật.

B. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật định.

C. Đáp án A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 13: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, nơi cư trú của người chưa thành niên được quy định thế nào?

A. Nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha, mẹ; nếu cha, mẹ có nơi cư trú khác nhau thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha hoặc mẹ mà người chưa thành niên thường xuyên chung sống

B. Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý hoặc pháp luật có quy định

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Đáp án: C

Căn cứ: Điều 41 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 14: Bạn H (13 tuổi) chơi đá bóng và đá trúng chiếc xe máy của ông N đang đỗ trước nhà làm vỡ màn xe. Ông N yêu cầu cha, mẹ bạn H phải bồi thường do bạn H làm hỏng xe. Vậy pháp luật quy định như thế nào trong trường hợp này?

A. Bạn H chưa đủ 15 tuổi nên cha, mẹ bạn H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông N.

B. Bạn H còn nhỏ chưa có tài sản nên không phải bồi thường.

C. Cha, mẹ bạn H chỉ bồi thường cho ông N một nửa thiệt hại do bạn H chưa đủ 15 tuổi.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 15: Điền vào chỗ trống: “Người từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ”

A. Giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.

B. Trường hợp giao dịch dân sự thực hiện trong khả năng chi trả của người đó.

C. Khi người còn lại đồng ý xác lập giao dịch dân sự đã đủ 18 tuổi trở lên.

D. Giao dịch dân sự có trị giá dưới 500.000 đồng.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 3 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 16: Trong trường hợp phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên thì phải làm gì?

A. Nếu biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó.

B. Nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

C. A và B đều đúng.

D. A và B đều sai.

Đáp án: C

Căn cứ: khoản 1 Điều 230 Bộ luật Dân sự năm 2015

Câu 17: Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Người từ đủ 18 tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

B. Người chưa đủ 15 tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp đang trong thời gian trường học trực tiếp quản lý mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

C. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Đáp án: D

Căn cứ: Điều 586, 599 BLDS 2015

Câu 18: Nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì?

A. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân.

B. Bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội.

C. Giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

D. Tất cả đáp án trên.

Đáp án: D

Căn cứ: Điều 1 Bộ luật Hình sự

Câu 19: Nhận định nào sau đây là đúng về đồng phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự?

A. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

B. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

C. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

D. Cả 3 đáp án trên.

Đáp án: D

Căn cứ: Điều 17 Bộ luật Hình sự

Câu 20: Nhận định nào sau đây là đúng về tuổi chịu trách nhiệm hình sự?

- A. Người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- B. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.**
- C. Người đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự

Câu 21: Như thế nào là người che giấu tội phạm?

- A. Người nào không hứa hẹn trước nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội.
- B. Người nào không hứa hẹn trước nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu dấu vết, tang vật của tội phạm.
- C. Người nào không hứa hẹn trước nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã có các hành vi cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội.

D. Cả 3 đáp án trên.

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 1 Điều 18 Bộ luật Hình sự

Câu 22: Các hình phạt chính đối với người phạm tội gồm?

- A. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Trục xuất; Tù có thời hạn; Tù chung thân; Tử hình.**
- B. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Cấm đảm nhận chức vụ; Trục xuất; Tù có thời hạn; Tù chung thân.
- C. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Cấm hành nghề; Trục xuất; Tù có thời hạn; Tù chung thân.
- D. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Cấm làm công việc nhất định; Trục xuất; Tù có thời hạn; Tù chung thân.

Đáp án: A

Căn cứ: Khoản 1 Điều 32 Bộ luật Hình sự

Câu 23: Các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội gồm?

- A. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- B. Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- C. Bắt buộc chữa bệnh.
- D. Cả 3 đáp án trên.**

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Câu 24: Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

- A. Từ 06 tháng đến 02 năm.
- B. Từ 06 tháng đến 03 năm.**
- C. Từ 06 tháng đến 05 năm.
- D. Từ 06 tháng đến 07 năm.

Đáp án: B

Căn cứ: Khoản 1 Điều 247 Bộ luật Hình sự

Câu 25: Người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong trường hợp nào sau đây?

- A. Người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- B. Người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- C. Người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

Đáp án: C

Căn cứ: Điều 93 Bộ luật Hình sự

Câu 26: Trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ thì có thể áp dụng biện pháp nào sau đây?

A. Hòa giải tại cộng đồng

B. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

C. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

D. Giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Đáp án: B

Căn cứ: khoản 1 Điều 96 Bộ luật Hình sự

Câu 27: Đối với mỗi tội phạm, người dưới 18 tuổi phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt nào sau đây?

A. Phạt cảnh cáo và phạt tiền

B. Phạt tiền và cải tạo không giam giữ

C. Tù có thời hạn và phạt tiền

D. Cảnh cáo hoặc tù có thời hạn.

Đáp án: D

Căn cứ Điều 98 Bộ luật Hình sự

Câu 28: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong bao nhiêu năm?

A. Không quá 12 năm nếu điều luật quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình; không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định nếu là tù có thời hạn.

B. Không quá 12 năm

C. Không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định

D. Không bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn

Đáp án: A

Căn cứ Điều 101 Bộ luật Hình sự

Câu 29: Hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự trước đoạt tính mạng của họ thì phạm tội gì?

- A. Tội bức tử
- B. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng
- C. Tội xúi giục người khác tự sát**
- D. Tội vô ý làm chết người

Đáp án: C

Căn cứ: Điều 131 Bộ luật Hình sự

Câu 30: Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng được biểu hiện như thế nào?

- A. Vô ý làm chết người
- B. Thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết**
- C. Ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát
- D. Tất cả các đáp án nêu trên đều sai.

Đáp án: B

Căn cứ khoản 1 Điều 132 Bộ luật Hình sự

Câu 31: Hành vi tiết lộ thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác thì bị xử lý như thế nào?

- A. Phạt tù từ 01 năm đến 03 năm**
- B. Phạt cảnh cáo
- C. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng
- D. Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

Đáp án: A

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự

Câu 32: Hành vi nào được xác định là hành vi phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác?

- A. Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác.
- B. Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ.
- C. Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ.
- D. Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác.
- E. Tất cả các đáp án trên.**

Đáp án: E

Căn cứ Điều 158 Bộ luật Hình sự

Câu 33: Người đưa xe máy trái phép có thể bị xử lý hình sự không?

- A. Không, chỉ người tổ chức đưa xe máy trái phép mới bị xử lý hình sự
- B. Có, người đưa xe máy trái phép và người tổ chức đưa xe máy trái phép đều có thể bị xử lý hình sự về tội tổ chức đưa xe trái phép
- C. Có, người đưa xe máy trái phép có thể bị xử lý hình sự về tội đưa xe trái phép**
- D. Không, người đưa xe máy trái phép chỉ có thể bị xử lý hành chính, không bị xử lý hình sự.

Đáp án: C

Căn cứ Điều 266 Bộ luật Hình sự

Câu 34: Hành vi phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử đối với hệ thống dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, hệ thống thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh thì bị áp dụng khung hình sự như thế nào?

- A. Phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm
- B. Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm
- C. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng
- D. Phạt tù từ 07 năm đến 12 năm**

Đáp án: D

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 286 Bộ luật Hình sự

Câu 35: Người nào đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật thì có thể bị áp dụng xử lý hình sự đối với tội phạm nào sau đây?

- A. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.
- B. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Tội làm nhục người khác.
- D. Có thể bị xem xét xử lý đối với một trong các tội phạm nêu trên.**

Đáp án: D

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự

Câu 36: Người nào đặt chướng ngại vật trên đường sắt, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì có thể bị xử lý hình sự như thế nào?

- A. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng**
- B. Phạt cải tạo không giam giữ đến 04 năm
- C. Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm

Đáp án: A

Căn cứ Điều 268 Bộ luật Hình sự

Câu 37: Trên đường giao thông, khi hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khác với hiệu lệnh của đèn hoặc biển báo thì người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh nào?

- A. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.**
- B. Hiệu lệnh của đèn điều khiển giao thông.
- C. Hiệu lệnh của biển báo hiệu đường bộ.
- D. Không cần chấp hành theo hiệu lệnh.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 2 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ

Câu 38: Theo Luật giao thông đường bộ, các xe chỉ được phép vượt về bên trái, không được phép vượt về bên phải trong mọi trường hợp. Ý kiến trên đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Đáp án: B

Căn cứ: Điều 14 Luật Giao thông đường bộ

Câu 39: Trường hợp nào các xe được phép vượt bên phải theo Luật giao thông đường bộ?

A. Khi xe phía trước đang chạy giữa đường.

B. Khi bên trái có xe đang lưu thông.

C. Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái.

D. Không có trường hợp nào.

Đáp án: C

Căn cứ: khoản 4 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ

Câu 40: Trường hợp nào sau đây không được phép vượt xe theo Luật giao thông đường bộ 2008?

A. Trên cầu hẹp có một làn xe.

B. Vị trí có tầm nhìn hạn chế.

C. Nơi đường giao nhau.

D. Tất cả các ý trên.

Đáp án: D

Căn cứ: khoản 5 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ

Câu 41: Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải ...

A. Giảm tốc độ và dừng lại quan sát.

B. Giữ khoảng cách để đảm bảo an toàn.

C. Giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.

D. Tăng tốc và chuyển hướng thật nhanh.

Đáp án: C

Căn cứ: khoản 1 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ

Câu 42: Theo Luật giao thông đường bộ, xe xuống dốc phải nhường đường cho xe đang lên dốc. Ý kiến trên đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Đáp án: A

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ

Câu 43: Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí nào sau đây?

A. Trên đường cao tốc.

B. Trên đường dốc.

C. Bên trái đường một chiều.

D. Tất cả các ý trên.

Đáp án: C

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ

Câu 44: Những xe sau được quyền ưu tiên đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự nào dưới đây?

1. Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ.

2. Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe cảnh sát dẫn đường.

3. Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu.

4. Đoàn xe tang.

A. 1-2-3-4

B. 2-1-3-4

C. 2-1-4-3

D. 1-3-2-4

Đáp án: A

Căn cứ: Điều 22 Luật Giao thông đường bộ

Câu 45: Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyến, người điều khiển phương tiện phải cho xe giảm tốc độ và phải nhường đường cho xe đi đến từ hướng nào?

A. Bên phải.

- B. Bên trái.
- C. Từ bất kỳ hướng nào.
- D. Tùy trường hợp.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 1 Điều 24 Luật Giao thông đường bộ

Câu 46: Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ đã bật sáng hoặc có tiếng chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu tính từ ray gần nhất; khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

- A. 1 mét.
- B. 3 mét .
- C. 5 mét.
- D. 10 mét.

Đáp án: C

Căn cứ: Điều 25 Luật Giao thông đường bộ

Câu 47: Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái, trừ các trường hợp nào sau đây thì được phép vượt bên phải?

- A. Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ phải hoặc đang rẽ phải.
- B. Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được.
- C. Khi có khả năng tăng tốc để vượt bên phải.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Đáp án: B

Căn cứ: khoản 4 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ

Câu 48: Không được vượt xe trong trường hợp nào sau đây?

- A. Trên cầu hẹp có một làn xe.
- B. Nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt.
- C. Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt.
- D. A và C.

E. A, B và C

Đáp án: E

Căn cứ: khoản 5 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ

Câu 49: Trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt, phương tiện giao thông nào được quyền ưu tiên đi trước?

A. Xe ô tô.

B. Phương tiện giao thông đường sắt.

C. Xe thô sơ.

D. Người đi bộ.

Đáp án: B

Căn cứ: khoản 1 Điều 25 Luật Giao thông đường bộ

Câu 50: Nhận định sau đây là đúng hay sai?

“Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy được phép chở tối đa 02 người trong trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật, trẻ em dưới 14 tuổi”

A. Đúng.

B. Sai.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 1 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ

Câu 51: Hãy chọn đáp án đúng nhất theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

A. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có vạch kẻ đường.

B. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu.

C. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

D. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

Đáp án: C

Căn cứ: khoản 2 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ

Câu 52: Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, người đủ 16 tuổi trở lên được ?

A. Lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh từ $50\text{ cm}^3 - 110\text{ cm}^3$.

B. Lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm^3 .

C. Lái xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi.

D. Lái xe ô tô tải có trọng tải dưới 3.500 kg.

Đáp án: B

Căn cứ: Điều 60 Luật Giao thông đường bộ

Câu 53: Theo Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia thì nghiêm cấm việc sử dụng lao động là người chưa đủ bao nhiêu tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia.

A. 18 tuổi

B. 17 tuổi

C. 16 tuổi

D. 15 tuổi

Đáp án: A

Căn cứ: Khoản 4 Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Câu 54: Trách nhiệm nào dưới đây thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh?

A. Tuyên truyền, giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên không uống rượu, bia.

B. Lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia trong công tác đoàn, đội.

C. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo vệ và hỗ trợ hội viên phụ nữ bị ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia.

D. Đáp án A và B.

Đáp án: D

Căn cứ: điểm b, c và d khoản 2 Điều 31 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Câu 55: Địa điểm nào sau đây không được uống rượu, bia?

A. Cơ sở sản xuất.

B. Nhà hàng, quán ăn.

C. Cơ sở bảo trợ xã hội.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Đáp án: C

Căn cứ: Khoản 5 Điều 10 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Câu 56: Hành vi nào sau đây thuộc hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia?

A. Xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia.

B. Bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia.

C. Vận động cá nhân, tổ chức không sử dụng sản phẩm rượu, bia không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa được kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

D. Phát hiện, phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Đáp án: A

Căn cứ: khoản 1 Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Câu 57: Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ nào?

A. Trình độ sơ cấp.

B. Trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

C. Các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động.

D. Cả 3 đáp án trên

Đáp án: D

Căn cứ: Khoản 1 Điều 3 Luật Giáo dục nghề nghiệp

Câu 58: Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng khi thực hiện hành vi vi phạm nào?

- A. Điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác.
- B. Chở theo từ 03 người trở lên trên xe.
- C. Bấm còi, rú ga (net pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.
- D. Tất cả các đáp án trên.**

Đáp án: D

Căn cứ theo điểm b, c và k khoản 3 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 59: Xe máy điện là phương tiện như thế nào?

- A. Là xe gắn máy được dẫn động bằng động cơ điện có công suất lớn nhất không lớn hơn 4 kW.
- B. Là xe đạp máy chạy bằng động cơ điện.
- C. Có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h.
- D. Cả A và C.**

Đáp án: D

Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 60: Xe đạp máy phương tiện như thế nào?

- A. Xe gắn máy có lắp động cơ.
- B. Là xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h.
- C. Khi tắt máy thì đạp xe đi được.
- D. B và C đúng.**

Đáp án: D

Căn cứ: điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 61: Người điều khiển xe đạp, xe đạp điện không đi bên phải theo chiều đi của mình thì có bị xử phạt hay không?

- A. Không bị xử phạt trong trường hợp vi phạm lần đầu.

B. Bị phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng.

C. Không bị xử phạt trong trường hợp không có phương tiện khác đi cùng chiều.

D. Bị tịch thu xe.

Đáp án: B

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 62: Nhận định này đúng hay sai: “Vẫn được phép điều khiển xe đạp nếu đã uống rượu, bia mà hơi thở có nồng độ cồn chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở”

A. Đúng. Vì người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính khi kiểm tra trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

B. Sai. Vì người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính khi kiểm tra trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Đáp án: B

Căn cứ: điểm q khoản 1 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 63: Trên đường đi học, bạn M thấy bạn N cùng lớp bị hư xe nên bạn M đã lái xe đạp của mình và dùng chân đẩy xe đạp của N trên đường đến trường. Hành vi của bạn M có vi phạm pháp luật giao thông đường bộ không? Nếu có thì hành vi này bị xử phạt như thế nào?

A. Hành vi của bạn M là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ.

B. Hành vi vi phạm của bạn M bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

C. Cả A và B

D. Hành vi của bạn M là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ nhưng không đến mức bị phạt tiền mà chỉ bị nhắc nhở.

Đáp án: C

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 64: Vì không chú ý nên bạn H đã điều khiển xe đạp đi ngược chiều của đường một chiều. Hành vi này có vi phạm pháp luật giao thông đường bộ không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào?

A. Hành vi của bạn H là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

B. Hành vi của bạn H là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

C. Hành vi của bạn H là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

D. Hành vi của bạn H không vi phạm pháp luật giao thông đường bộ vì bạn H không cố ý đi ngược chiều.

Đáp án: C

Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi bởi điểm k khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP

Câu 65: Nhận định sau đây là đúng hay sai: “Người điều khiển xe đạp không có phanh xe hoặc phanh xe không sử dụng được thì bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng”

A. Sai

B. Đúng

Đáp án: B

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi bởi điểm k khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP

Câu 66: Người điều khiển xe máy, xe máy điện (không phải là xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ) thực hành vi nào sau đây sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính?

A. Sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn.

B. Bấm còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong đô thị, khu đông dân cư.

C. Sử dụng đèn chiếu gần trong đô thị, khu đông dân cư.

D. A và C đúng.

Đáp án: B

Căn cứ: điểm 1 và khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

Câu 67: Bạn Y vì không chú ý biển báo cấm đi ngược chiều  nên đã lái xe máy điện đi ngược hướng vào đường một chiều. Hành vi này bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?

- A. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng.
- B. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.**
- C. Bị phạt cảnh cáo vì lỗi vô ý.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Đáp án: B

Căn cứ: khoản 5 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP sửa đổi bởi Điểm c Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP

Câu 68: Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Người tụ tập để cổ vũ đua xe trái phép bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- B. Pháp luật quy định các phương tiện bị cấm sử dụng để đua xe trái phép gồm: xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô.**
- C. Đua xe đạp trái phép bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Pháp luật cấm đua xe trái phép.

Đáp án: B

Căn cứ: khoản 1 Điều 34 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP

Câu 69: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném đất, đá vào tàu.
- B. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu.
- C. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu.**
- D. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu.

Đáp án: C

Căn cứ: khoản 3 Điều 73 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP

Câu 70: Hành vi nào bị nghiêm cấm theo Luật Giao thông đường bộ?

- A. Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.
- B. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.
- C. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Đáp án: D

Căn cứ: Điều 8 Luật Giao thông đường bộ

Câu 71: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được phép chở tối đa hai người trong trường hợp nào?

- A. Chở người thân.
- B. Chở trẻ em dưới 14 tuổi.
- C. Chở người già trên 70 tuổi.
- D. Không được phép chở hai người.

Câu 72: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đi xe dàn hàng ngang.
- B. Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác.
- C. Sử dụng ô, điện thoại di động.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Câu 73: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng điện thoại di động.
- B. Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác.
- C. Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Câu 74: Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông có được sử dụng ô khi trời mưa hay không?

- A. Được sử dụng ô nhưng phải đảm bảo an toàn.
- B. Không được sử dụng.
- C. Chỉ người ngồi sau được sử dụng.
- D. Tùy trường hợp.

Câu 75: Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi nào sau đây?

- A. Mang, vác vật cồng kềnh.
- B. Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác.
- C. Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Câu 76: Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy có phải đội mũ bảo hiểm hay không?

- A. Phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.
- B. Không bắt buộc.
- C. Chỉ đội mũ bảo hiểm khi lưu thông trên quốc lộ.
- D. Phải đội mũ bảo hiểm trừ trẻ em dưới 14 tuổi.

Câu 77: Khi xảy ra tai nạn giao thông, người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm gì?

- A. Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- B. Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất;
- C. Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 78: Khi xảy ra tai nạn giao thông, những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm gì?

- A. Bảo vệ hiện trường; Bảo vệ tài sản của người bị nạn;
- B. Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;
- C. Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;
- D. Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- E. Tất cả các đáp án trên.

Câu 79: Luật Giao thông đường bộ quy định không được thực hiện hành vi nào sau đây trên đường phố?

- A. Hạp chợ, mua, bán hàng hóa.
- B. Tụ tập đông người trái phép.
- C. Thả rông súc vật.
- D. Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông.
- E. Tất cả các đáp án trên.

Câu 80: Phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về ?

- A. Bên trái.
- B. Bên phải.

Câu 81: Người đi bộ không được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Vượt qua dải phân cách.
- B. Đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy.
- C. Mang vác vật cồng kềnh không bảo đảm an toàn và gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 82: Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- B. Mang theo hàng hoá.

- C. Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác
- D. Cả A và C.

Câu 83: Theo Luật phòng, chống tác hại của rượu bia thì các quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia là?

- A. Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- B. Phản ánh, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia; tố cáo việc cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- C. Được sống trong môi trường không chịu ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia. Được cung cấp thông tin phù hợp, chính xác, khách quan, khoa học, đầy đủ về rượu, bia, nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và tác hại của rượu, bia
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 84: Sinh viên, học sinh không được uống rượu, bia trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Trong giờ học tập, làm việc
- B. Nghỉ giữa giờ học tập, làm việc.
- C. Cả A và B.

Câu 85: Địa điểm nào dưới đây không được bán rượu, bia?

- A. Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.
- B. Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.
- C. Cơ sở giáo dục; Cơ sở y tế; Cơ sở bảo trợ xã hội; Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác.
- D. Tất cả đáp án trên.

Câu 86: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm hành vi bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia cho người chưa đủ bao nhiêu tuổi?

- A. 16 tuổi
- B. 17 tuổi
- C. 18 tuổi
- D. 15 tuổi

Câu 87: Người bao nhiêu tuổi không được uống rượu, bia?

- A. Chưa đủ 18 tuổi
- B. Đủ 18 tuổi
- C. Chưa đủ 17 tuổi
- D. Dưới 16 tuổi

Câu 88: Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục?

- A. Xuyên tạc nội dung giáo dục.
- B. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học.
- B. Lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật.
- C. Hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự.
- D. Tất cả phương án trên.

Câu 89: Cấm lợi dụng hoạt động giáo dục để thực hiện các hành vi nào sau đây?

- A. Xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- B. Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, phá hoại thuần phong mỹ tục, truyền bá mê tín, hủ tục, lôi kéo người học vào các tệ nạn xã hội.
- C. Lợi dụng hoạt động giáo dục vì mục đích vụ lợi.
- D. Tất cả phương án trên.

Câu 90: Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm?

- A. Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.
- B. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở.
- C. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.
- D. Trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.

Câu 91: Tuổi của học sinh vào học lớp 1 được quy định như thế nào?

- A. 05 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- B. 06 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- C. 07 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 92: Tuổi của học sinh vào học lớp 6 được quy định như thế nào?

- A. 11 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- B. 12 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- C. 13 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 93: Tuổi của học sinh vào học lớp 10 được quy định như thế nào?

- A. 14 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- B. 15 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- C. 16 tuổi và được tính theo năm trừ trường hợp học sinh học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi theo quy định khác.
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 94: Ngày Nhà giáo Việt Nam là ngày nào?

- A. 20/11 hằng năm
- B. 02/9 hằng năm
- C. 30/4 hằng năm
- D. 20/10 hằng năm

Câu 95: Theo quy định của Luật Giáo dục, nhiệm vụ của người học là gì?

- A. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục.
- B. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ, quy chế của cơ sở giáo dục; chấp hành quy định của pháp luật; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục.
- C. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực; Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 96: Ngôn ngữ, chữ viết dùng trong cơ sở giáo dục?

- A. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục.
- B. Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục.
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng.
- D. Cả hai đáp án trên đều sai.

Câu 97: Nhiệm vụ và quyền của người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là?

- A. Học tập, rèn luyện theo quy định của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- B. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
- C. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.
- D. Cả 03 đáp án trên.

Câu 98: Người điều khiển xe gắn máy (kể cả xe máy điện) chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên bị xử phạt như thế nào?

- A. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Phạt cảnh cáo.
- C. Phạt khiển trách.
- D. Bị nhắc nhở trong trường hợp vi phạm lần đầu.

Câu 99: Có được phép trượt pa-tanh, sử dụng xe điện cân bằng trên phần đường xe chạy hay không?

- A. Không, vì đây là hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.
- B. Có, trong trường hợp đường vắng, không có nhiều phương tiện lưu thông.
- C. Có, khi người sử dụng thiết bị đã đủ 18 tuổi trở lên.
- D. B và C đúng

Câu 100: Hành vi nào sau đây của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) bị xử phạt vi phạm hành chính?

- A. Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ.
- B. Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.